

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HS-ST.  
Ngày: 26-10-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mộng Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Tăng Văn Chín.

2. Ông Nguyễn Viết Ngoan.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Điều Khắc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – Thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 76/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Trương Thị Thanh T, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú: Khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn M, sinh năm 1968; Có 02 người con: Lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ từ ngày 09/6/2021 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

*- Người bị hại:* Lê Thị B – sinh năm 1939. Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo ủy quyền của bà B: Bà Võ Thị L – sinh năm 1959. Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền được lập ngày 12/10/2021, tại Ủy Ban nhân dân phường B, quận Thốt Nốt). Có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn M – sinh năm 1968. Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Võ Thị L – sinh năm 1959. Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Thanh T là người làm thuê cho gia đình của bà Võ Thị L, tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, công việc hằng ngày là dọn dẹp nhà và chăm sóc cho bà Lê Thị B (mẹ ruột bà L). Trong thời gian giúp việc nhà và chăm sóc cho bà B, T thường hay thấy bà B đem tiền (đô la Mỹ) ra kiểm đếm và quên không cất. Vào sáng ngày 16/5/2021, trong lúc xoa bóp cho bà B T thấy bà B để cọc tiền vừa đếm xuống giường và không quan sát, T nảy sinh ý định lấy trộm nên đã len lút lấy 01 sấp tiền đô la Mỹ của bà B bỏ vào túi quần đang mặc, rồi tiếp tục làm việc bình thường. Sau khi đã dọn dẹp nhà cho bà L xong, T đem tiền trộm được về nhà cất giấu trong phòng ngủ. Đến khoảng 10 giờ sáng ngày 17/5/2021, T mang số tiền trộm được đến tiệm vàng đổi sang tiền Việt Nam đồng. Do không biết chữ, không biết đếm và cộng số tiền lớn, nên sau khi lấy trộm tiền của bà B và đem đi đổi sang tiền Việt Nam đồng, T không xem giấy ghi số tiền quy đổi và cũng không kiểm đếm nên không xác định cụ thể số tiền đổi được bao nhiêu. Sau khi đổi tiền xong T mang tiền về nhà, do sợ bị chồng phát hiện nên T lấy tờ giấy ghi số tiền đổi được mang đi đốt, rồi chia nhỏ số tiền đổi được giấu ở dưới giường ngủ của T, trong tủ quần áo và đóng cũi dưới bếp. Đến ngày 18/5/2021, bà B kiểm tra tiền đô la Mỹ thì phát hiện bị mất 12.000 đô la Mỹ (mệnh giá mỗi tờ là 100 USD) nên hỏi T thì T thừa nhận đã lấy trộm và sau đó T về nhà lấy cọc tiền giấu ở dưới giường ngủ đưa trả lại cho bà B, lúc này bà L kiểm tra, đếm được là 90.000.000 đồng. Nhận thấy, số tiền T đưa không đủ so với số tiền bà B bị mất nên bà L trình báo cơ quan Công an xác minh làm rõ. Sau khi biết sự việc, chồng của T là ông Nguyễn Văn M đã tìm kiếm và phát hiện số tiền 15.000.000 đồng trong tủ quần áo và 9.000.000 đồng dưới đóng cũi. Ông M đem số tiền này và lấy thêm tiền của gia đình khắc phục hậu quả cho bà B.

Tang vật thu giữ gồm:

- Số tiền 90.000.000 đồng (là tiền mà T giao trả cho bà Lê Thị B).
- Một tủ quần áo bằng kim loại.
- Một tivi màu hiệu Samsung 43 inch.

Quá trình điều tra, T khai nhận hành vi phạm tội và thống nhất số tiền lấy trộm là 12.000 USD như khai báo của bà B, tương đương 275.460.000 đồng, (trị giá quy đổi tại thời điểm ngày 16/5/2021 theo văn bản số 07/TB-NHNo.TN ngày 07/6/2021 do Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn, chi nhánh quận Thốt Nốt cung cấp).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thốt Nốt đã ra các Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà Lê Thị B số tiền 90.000.000 đồng; trả lại cho bị can T một tủ quần áo bằng kim loại, một tivi màu hiệu Samsung 43 inch do không liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bà T cùng gia đình đã khắc phục hậu quả cho bà B được tổng số tiền 259.000.000 đồng, gần bằng số tiền mà bà bị mất trộm, nên bà Lê Thị B không có yêu cầu gì thêm về dân sự.

Đối với số tiền mà ông Nguyễn Văn M đã khắc phục cho bà B là 259.000.000 đồng, trong đó có 145.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng, ông M yêu cầu T có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền 72.500.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc đối với tiệm vàng Thanh Thanh Mỹ, tại khu vực Thới Xương 2, phường Thới Long, quận Ô Môn, Tp Cần Thơ nơi bị cáo khai đến đối ngoại tệ nhưng không đủ cơ sở để xử lý.

Tại Cáo trạng số 78/CT-VKSTN ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Trương Thị Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự. (Bút lục 131-133)

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Ngoài ra, bị cáo không có ý kiến khác.

Đại diện hợp pháp của bị hại vẫn giữ nguyên ý kiến như bị hại đã trình bày trong quá trình điều tra, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M có ý kiến: đối với số tiền 145.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng dùng để khắc phục hậu quả cho bị hại ông sẽ tự thỏa thuận với bị cáo, không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, không bổ sung gì thêm; đồng thời phát biểu quan điểm luận tội phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đó đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị Thanh T với mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo cùng gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại số tiền 259.000.000 đồng. Phía bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M xác định đối với số tiền 145.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng dùng để khắc phục

hậu quả cho bị hại ông sẽ tự thỏa thuận với bị cáo, không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án nên không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thốt Nốt đã ra các Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bà Lê Thị B số tiền 90.000.000 đồng; trả lại cho bị cáo một tủ quần áo bằng kim loại, một tivi màu hiệu Samsung 43 inch do không liên quan đến vụ án là phù hợp nên không đề cập xử lý.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi đã phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an quận Thốt Nốt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Trong điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ như các biên bản về hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai của bị hại. Như vậy, có cơ sở xác định Trương Thị Thanh T đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại đã lén lút lấy trộm số tiền 12.000 USD, tương đương số tiền 275.460.000 đồng của bà Lê Thị B. Hành vi sai trái mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính tham lam, mong muốn có nhiều tiền mà không cần bỏ ra công sức lao động chính đáng nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu của cá nhân. Sau khi trộm được tài sản bị cáo mang ngoại tệ đi đổi sang tiền Việt Nam đồng xong bị cáo đã đốt giấy ghi số tiền đổi được nhằm tiêu hủy chứng cứ, đồng thời chia nhỏ số tiền ra cất giấu nhiều nơi nhằm tránh bị phát hiện. Đến khi bị hại phát hiện bị cáo chỉ mang trả lại cho bị hại một phần số tiền bị mất là 90.000.000 đồng, nhưng sau đó chồng bị cáo đã tìm và phát hiện bị cáo còn cất giấu tiền trong tủ quần áo, dưới đồng củi và sử dụng tiền trộm mua trang sức là vòng đeo tay cho con gái với tổng số tiền 24.000.000 đồng. Từ đó cho thấy bị cáo có sự gian dối, mưu tính, sắp xếp kế hoạch, điều kiện để thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm

đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, đồng thời còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần dành cho bị cáo mức hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức xã hội là cần thiết.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000 đồng*”. Do hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: do bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Lê Thị B, sinh năm 1939 nên thuộc trường hợp phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên. Do đó bị cáo phải gánh chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự hiện hành.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến thái độ khai báo của bị cáo trong điều tra và tại phiên tòa có thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện sửa chữa việc làm sai trái của bản thân bằng việc đã cùng gia đình thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại số tiền 259.000.000đồng để khắc phục hậu quả và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở;

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

\* *Tuyên bố*: Bị cáo Trương Thị Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Thanh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo.

\* *Về trách nhiệm dân sự*:

Công nhận bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại số tiền 259.000.000đ (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng).

*\* Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tại Chi Cục Thi hành án Dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

*\* Về quyền kháng cáo:* Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Công an quận Thốt Nốt;
- Cơ quan THA quận Thốt Nốt;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Huỳnh Thị Mộng Tuyền**